

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 155/2020/HSST

Ngày: 26/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực.

2. Ông Huỳnh Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2020/HSST ngày 20/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1973/2020/QĐST-HS ngày 27/4/2020, đối với bị cáo:

Chime O WALTER; giới tính: Nam; sinh ngày 03/03/1985; tại: N; nơi cư trú: N; chỗ ở: Phòng T1, 17.12 Chung cư V, phường TML, Quận 2, Thành phố M; hộ chiếu số: A08323703 do Cộng hòa liên bang N cấp ngày 07/6/2017 (Hộ chiếu cũ số A01343734 do Cộng hòa liên bang N cấp ngày 13/11/2009); nghề nghiệp: Không; quốc tịch: N; dân tộc: N; con ông Basic WALTER và bà Monlie WALTER (ngoài ra còn khai tên cha là Chime B và tên mẹ là Chime J); Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 12/4/2018 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

+ ***Bị hại:*** Công ty S Co., Ltd; Trụ sở: 411 đường JY, quận PU, thành phố TH, TQ. Đơn vị đại diện tại Việt Nam: Công ty TNHH L Việt Nam; Trụ sở: Tòa nhà G, Số 6 XCMK, phường ĐK, Quận 1, Thành phố M; Do bà Bà Huỳnh Thị Mỹ H; Chức vụ: Trưởng phòng Nhân sự Công ty TNHH L Việt Nam, làm đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

Người bào chữa:

Ông Cao Xuân D – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư TN -Đoàn Luật sư Thành phố M bào chữa chỉ định cho bị cáo Chime O WALTER (có mặt);

Người phiên dịch:

Ông Bùi Quang K, sinh năm 1978 – Công ty dịch thuật PT
(có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị XC, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 131/7A XC, Phường 16, Quận B, Thành phố H (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị GU, sinh năm 1985; Địa chỉ: B129 Bis XC, Phường 16, Quận B, Thành phố M (vắng mặt);

3. Ngân hàng TMCP VXC; Địa chỉ: 89 LH, quận ĐĐ, Thành phố HN (vắng mặt);

4. Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam; Địa chỉ: lô S, Khu số 9, Quốc lộ 50, xã BH, huyện BC, Thành phố M (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h20' ngày 05/04/2018, Công an Phường 4, Quận B, Thành phố M lập biên bản sự việc xô xát xảy ra tại trước nhà số 120-122 KH, Phường 4, Quận B đối với Chime O Walter (Quốc tịch N, tên gọi tắt là O) và Trần Thị XC (trú tại: 131/7A XC, Phường 4, Quận B). Tại đây, NT khai có đứng ra thành lập một số công ty và nhận tiền từ nước ngoài gửi về cho O, đồng thời giao nộp 09 con dấu và hồ sơ pháp nhân liên quan. Nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an Phường 4, Quận B lập hồ sơ bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an Quận B giải quyết. Do đối tượng là người nước ngoài nên Cơ quan CSĐT Công an Quận B đã chuyển toàn bộ hồ sơ và vật chứng đến Cơ quan CSĐT Công an Thành phố M để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Qua điều tra xác minh, xác định vào ngày 12/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố M nhận được đơn trình báo của Công ty TNHH L Việt Nam (trụ sở: số 6 NTMK, phường BN, Quận 1, Thành Tp. M, là đơn vị đại diện theo ủy quyền của Công ty S (gọi tắt là Công ty L), trụ sở tại TH, TQ tố giác sự việc như sau:

Vào năm 2017, Công ty L nợ Công ty I - MIM Private Limited (gọi tắt là Công ty I), trụ sở tại Ấn Độ 03 đơn hàng với tổng số tiền thanh toán là 6.988,9 Euro. Quá trình trao đổi mua bán hàng hóa, Công ty L sử dụng 02 hộp thư điện tử (email) với tên là R.r@I-mim.com và “P.s@I-mim.com”. Ngày 15/12/2017, Công ty L nhận được thông báo từ địa chỉ email “P.s@I-mim.com” với nội dung đề nghị thanh toán số tiền liên quan đến 03 đơn hàng nêu trên cho Công ty I. Tuy nhiên, trong nội dung email đã gửi xuất hiện 02 hộp mail khác có dấu hiệu bất thường hiển thị trong danh sách mail, bao gồm: “E.t@I-mim.com” và “R.r@I-mim.com”. Ngày 19/12/2017, Công ty Hell-a nhận được thông báo từ

email “E.t@I-mim.com” về việc yêu cầu thay đổi TK thụ hưởng, đề nghị chuyển số tiền+ 6.988,9 Euro vào TK số 060165622831, mở tại Ngân hàng S, đứng tên Công ty TNHH Tele Seng RM, trụ sở tại số 38 BV, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 27/12/2017, do tin tưởng nên Công ty L đã chuyển 6.988,9 Euro vào TK số 060165622831 theo đề nghị. Tuy nhiên, sau khi làm việc với Công ty I thì Công ty L mới biết đối tác không gửi mail yêu cầu thanh toán cũng như không hề nhận được số tiền nêu trên.

Kết quả xác minh Công ty TNHH Tek Seng RM do Trần Thị NT thành lập. Cơ quan điều tra xác định NT và O có liên quan đến vụ việc nên ngày 06/04/2018 đã khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Chime O WALTER tại địa chỉ T1-17.12 chung cư V, phường TML, Quận 2, Thành phố M và nơi ở của Trần Thị NT tại số 131/7A XC, phường 16, Quận B; kết quả phát hiện thu giữ tại chỗ ở của O thêm 06 con dấu và hồ sơ pháp nhân đứng tên các công ty khác nhau.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị NT khai nhận: Khoảng tháng 11/2017, trong lần đi chơi tại đường BV, Quận 1, Thành phố M, NT quen biết O. Sau vài lần gặp gỡ, đối tượng này nhờ NT đứng tên thành lập công ty để mua bán, vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài. Hàng tháng, O hứa sẽ trả lương từ 1.000 đến 2.000 USD. Tổng cộng, NT đã thành lập được 10 công ty (trong đó, có Công ty TNHH Tek Seng RM, trụ sở tại số 38 BV, Quận 1, Thành phố M). Ngoài ra, NT còn nhờ bạn là Nguyễn Thị GU (ngụ tại số B129 Bis, đường XC, phường 16, Quận B, Thành phố M) đứng tên thành lập thêm 05 công ty khác cho O. NT khai tên công ty do O tự đặt, chi phí thành lập do O đưa cho NT chi trả. Toàn bộ con dấu liên quan đến các công ty do O quản lý, chỉ khi đi rút tiền O mới đi theo để đưa cho NT hoặc GU đóng dấu trên các chứng từ giao dịch, sau đó đưa dấu và tiền lại cho O. Đối với 09 con dấu giao nộp cho Công an Phường 4, Quận 4 vào ngày 05/04/2018, NT khai trước đó O đưa cho NT để làm bằng hiệu công ty.

NT thừa nhận đã 04 lần đi rút tiền theo yêu cầu của O tại Ngân hàng S - Chi nhánh Quận B, Thành phố M, cụ thể:

- Ngày 26/02/2018, NT rút 190.000.000 đồng (quy đổi từ số tiền 6.988,9 Euro) từ tài khoản số 060165622831 của Công ty TNHH Tek Seng RM;

- Ngày 22/03/2018, NT rút 4.940.000.000 đồng (quy đổi ra từ số tiền 302.400 Đô la New Zealand) từ tài khoản số 060164746030 của Công ty TNHH LI;

- Ngày 02/04/2018, NT rút 3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087.80 USD) từ tài khoản số 0780111474410002 của Công ty TNHH Billions HK. Riêng lần rút tiền còn lại, NT không nhớ đã rút bao nhiêu, tại ngân hàng và vào thời gian nào.

Mặc dù, thỏa thuận là trả lương hàng tháng nhưng O chỉ cho NT tiền sau mỗi lần đi rút cao nhất là 1.000 USD, tổng số tiền mà O đã cho NT khoảng 60.000.000 đồng. Đối với số tiền 171.087.80 USD (tương đương 3.890.250.000 đồng), qua trích xuất dữ liệu trong điện thoại di động tạm giữ của Trần Thị NT,

xác định có nội dung O yêu cầu NT ra ngân hàng rút số tiền trên. Tuy nhiên, O không thừa nhận NT đã rút và giao số tiền này.

NT khai không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của O, trước đó vào ngày 02/04/2018, NT được Nguyễn Thị GU thông báo có 01 khoản tiền do GU rút ra cho O, bị ngân hàng đề nghị hoàn trả do có nguồn gốc bất hợp pháp. Do nghi ngờ Chime O WALTER thực hiện hành vi trái pháp luật nên ngày 03/04/2018, NT và GU đã đến Đội phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố M để trình báo sự việc.

Nguyễn Thị GU khai nhận: GU với Trần Thị NT là bạn, thời điểm tháng 12/2017 đến tháng 02/2018, NT có nhờ GU đứng tên thành lập 05 công ty cho Chime O WALTER và đã 02 lần đi rút tiền về đưa lại cho O, với tổng số tiền 1.611.000.000 đồng và được O cho tổng cộng 11.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 06/02/2018, rút 844.000.000 VNĐ (quy đổi từ 37.222.03 USD) từ tài khoản số 06016868953 của Công ty ER, mở tại Ngân hàng S - Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 09/03/2018, rút 767.000.000 VNĐ (quy đổi từ 33.800 USD) từ tài khoản số 141926209 của Công ty TNHH - TM X, mở tại Ngân hàng V - Phòng giao dịch KH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/04/2018, GU nhận được điện thoại từ Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (V) thông báo số tiền 33.800 USD, tương đương 767.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản số 141926209 của Công ty TNHH TM X mà GU đã rút đưa cho O nêu trên có nguồn gốc bất hợp pháp và đề nghị hoàn trả. Sau khi tiếp nhận thông tin, GU đã gọi điện cho NT để thông báo. Đến ngày 03/04/2018, cả hai đã đến Đội phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Chime O WALTER khai nhận: O được một đối tượng tên AS (Không rõ lai lịch) ở tại Panama phân công nhiệm vụ thành lập công ty và mở tài khoản ngân hàng để gửi thông tin các tài khoản cho AS; đối tượng này sẽ làm việc với bên thứ 3 ở nước ngoài để nhận tiền bất hợp pháp chuyển vào các tài khoản O mở tại Việt Nam. Sau đó, O đã tiếp cận với Trần Thị NT, Nguyễn Thị GU đề nghị thành lập nhiều công ty và mở nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền mua bán hàng hóa.

- O khai nhận phù hợp với lời khai của NT và GU: đã chỉ đạo NT rút số tiền 190.000.000 đồng, quy đổi từ số tiền 6.978.90 Euro mà Công ty S đã chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Tek Seng RM và rút số tiền 302.400 Đôla New Zealand (NZD), tương đương 4.940.000.000 đồng từ tài khoản số 060164746030 đứng tên Công ty TNHH LI; chỉ đạo GU rút số tiền 844.000.000 đồng (quy đổi từ 37.222.03 USD) từ tài khoản số 06016868953 của Công ty ER, mở tại Ngân hàng S, Chi nhánh Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và rút 767.000.000 đồng (quy đổi từ 33.800 USD) từ tài khoản số 141926209 của

Công ty TNHH - TM X mở tại Ngân hàng V - Phòng giao dịch KH, Quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

- Riêng đối với số tiền 171.087.80 USD, tương đương 3.890.250.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 0780111474410002 của Công ty TNHH Billions HK ngày 02/04/2018, O khai có chỉ đạo NT đi rút nhưng NT chưa giao số tiền nêu trên. NT khai sau khi rút số tiền 171.087.80 USD thì đã giao toàn bộ lại cho O. Tiến hành đối chất giữa O và Trần Thị NT cả hai đều khai nhận nêu trên.

Chime O WALTER khai toàn bộ số tiền nhận được từ Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU đã sử dụng để mua hàng hóa chuyển về Nigeria tuy nhiên không cung cấp được các chứng từ mua bán, hồ sơ xuất khẩu liên quan.

Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh các tài khoản liên quan đến 15 công ty do NT và GU đã thành lập cho Chime O WALTER tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (S), Ngân hàng SGB (SCB) và Ngân hàng TMCP VNTV (V) kết quả:

- Đối với các tài khoản số 060165622831 đứng tên Công ty TNHH Tek Seng RM, số 060164746030 đứng tên Công ty TNHH LI, số 0780111474410002 đứng tên Công ty TNHH Billions HK, số 06016868953 đứng tên Công ty ER, số 141926209 đứng tên Công ty TNHH TM X, xác định các tài khoản này có nhận tiền được chuyển từ nước ngoài, sau đó chủ tài khoản đã giao dịch rút tương ứng với số tiền và số lần mà Trần Thị NT, Nguyễn Thị GU đã khai nhận nêu trên. Trong các khoản tiền mà NT và GU rút ra đưa cho O, ngoài số tiền 6.988,9 Euro mà Công ty TNHH L Việt Nam là đơn vị được ủy quyền có đơn trình báo, đối với số tiền còn lại do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị các ngân hàng có liên quan tiếp tục ủy thác xác minh và thông báo truy tìm bị hại. Tuy nhiên, đến nay chưa có cá nhân, đơn vị nào đến trình báo về việc bị chiếm đoạt tiền từ các tài khoản nêu trên.

Riêng đối với các tài khoản số 146230717 đứng tên Công ty TNHH Safal Flexibond PVT, số 17910377778474 đứng tên Công ty TNHH Terra cooling Industries SDN BH xác định vào ngày 04/04/2018 và ngày 10/04/2018, 02 tài khoản này có nhận 74.240.75 USD và 4.335.39 USD. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản đề nghị ngân hàng phong tỏa đối với 02 khoản tiền này, đồng thời đề nghị ngân hàng hỗ trợ xác minh đơn vị, cá nhân đã nộp tiền vào tài khoản để xử lý tài sản theo quy định, đến nay chưa có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-P3 ngày 11/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Chime O WALTER, về tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội

của bị cáo gây ra, cũng như các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Chime O WALTER án tù 14 – 16 năm tù;

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường khoản tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và buộc nộp lại khoản tiền bất hợp pháp đã chiếm đoạt còn lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước; buộc Trần Thị NT nộp lại 3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087,80 USD) đã rút tại Ngân hàng nhưng chưa giao lại cho bị cáo O và khoản tiền 60.000.000 đồng đã hưởng lợi không có căn cứ pháp luật để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng thu giữ trong vụ án xử lý theo quy định của pháp luật.

Bào chữa cho bị cáo, luật sư thống nhất về tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo O là có cơ sở pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét: Trong toàn bộ khoản tiền Viện kiểm sát quy buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự, ngoài số tiền 6.988,9 Euro tương ứng số tiền 190.000.000 đồng mà Công ty TNHH L Việt Nam là đơn vị được ủy quyền có đơn trình báo được xác định là bị hại thì đối với số tiền còn lại do chưa xác định được bị hại hay có căn cứ xác định là nguồn tiền phạm pháp. Ngoài ra, bị cáo là người nước ngoài nên thiếu hiểu biết về pháp luật tại Việt nam và tại phiên tòa khai gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ. Do đó, đề nghị áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo O mức án khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp giữ nguyên quan điểm truy tố, không chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo O về khung hình phạt áp dụng để xử phạt bị cáo, bởi lẽ: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo O trong giai đoạn điều tra có cơ sở kết luận về phương thức, thủ đoạn mà bị cáo O cùng đồng phạm ở nước ngoài (không rõ lai lịch) sử dụng chuyển tiền về Việt nam qua tài khoản của các công ty do O chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU đăng ký, thành lập và rút tiền tổng cộng là 10.633.991.000 đồng không có nguồn gốc hợp pháp. Nên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 thì bị cáo O phải chịu trách nhiệm hình sự về toàn bộ khoản tiền đã chiếm đoạt này.

Bị cáo Chime O WALTER không tranh luận, chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tạo cơ hội cho bị cáo sớm chấp hành án về nước làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Chime O WALTER khai báo quanh co, chỉ thừa nhận có nhờ Trần Thị NT cùng Nguyễn Thị GU đứng tên đăng ký thành lập các công ty ở Việt Nam, mở tài khoản ngân hàng rồi gửi thông tin cho AS sử dụng để nhận chuyển tiền từ nước ngoài và chỉ đạo NT, GU rút tiền ra giao lại cho bị cáo; nội dung phù hợp bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Nhưng bị cáo O thay đổi lời khai cho rằng, mục đích việc cung cấp tên công ty và số tài khoản cho AS sử dụng để chuyển tiền và rút tiền là giúp AS mua bán, vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài chứ không biết những khoản tiền này là tiền bất hợp pháp.

Xét, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện và tại phiên tòa, bị cáo Chime O WALTER xác nhận toàn bộ 15 công ty mà bị cáo chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU đăng ký thành lập, đăng ký tài khoản tại các Ngân hàng ở Việt Nam đều không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như không có giao dịch thương mại gì với các công ty đối tác ở nước ngoài đã chuyển tiền đến tài khoản các công ty mà bị cáo sử dụng để cung cấp cho đối tượng AS. Nhưng tại phiên tòa, bị cáo O thay đổi lời khai cho rằng, việc bị cáo rút tiền là giúp AS mua hàng hóa vận chuyển về Nigeria chứ không biết những khoản tiền này là tiền bất hợp pháp trong khi quá trình điều tra và tại phiên tòa, không cung cấp được chứng từ mua bán hàng hóa, hồ sơ xuất khẩu liên quan là không có cơ sở và chứng cứ để được chấp nhận.

Mặc dù tại phiên tòa Chime O thay đổi lời khai nhưng đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật - tài liệu, lời khai của bị hại, lời khai của Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU, tài liệu sao kê tài khoản tại Ngân hàng, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Thông qua đối tượng tên AS (không rõ lai lịch, ở Panama), phân công Chime O WALTER thành lập nhiều công ty, mở tài khoản ngân hàng cung cấp cho AS để đối tượng này làm việc với bên thứ 3 ở nước ngoài sử dụng và truy cập bất hợp pháp vào email, gửi thông tin giả mạo đến các công ty yêu cầu chuyển tiền thanh toán hợp đồng từ phía công ty đối tác và sử dụng nhận tiền bất hợp pháp chuyển vào các tài khoản do O cung cấp để chiếm đoạt. Để thực hiện, Chime O WALTER đã tiếp cận làm quen và trực tiếp chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU thành lập tổng cộng 15 công ty và mở tài khoản tại các ngân hàng khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền chuyển vào rồi rút ra giao Chime O WALTER thụ hưởng. Tuy nhiên, cụ thể việc AS cùng đồng phạm ở nước ngoài thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như thế nào thì bị cáo O không biết.

Tổng số tiền Chime O WALTER khi nhận được thông báo chuyển tiền từ AS về Việt Nam đã chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU rút từ tài khoản ngân hàng của các công ty về giao lại cho mình, tổng cộng là 10.633.991.000 đồng, bao gồm các khoản:

- Trần Thị NT đã 03 lần rút tiền tại S - Chi nhánh Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 26/02/2018, rút 190.000.000 đồng (được quy đổi từ số tiền 6.988,9 EURO); ngày 22/3/2018, rút 4.940.000.000 đồng (được quy đổi từ số tiền 302.400 Đô la New Zealand); và ngày 02/4/2018, rút 3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087,80 USD).

- Nguyễn Thị GU 02 lần rút tiền: ngày 06/02/2018, rút 844.000.000 đồng (được quy đổi từ 37.222,03 USD); và ngày 09/3/2018, rút 767.000.000 đồng (được quy đổi từ 33.800 USD).

Liên quan đến các khoản tiền đã rút ra nêu trên, đối với khoản tiền 190.000.000 đồng (quy đổi từ số tiền 6.988,9 EURO) rút ra từ tài khoản của Công ty TNHH Tek Seng RM do Trần Thị NT thành lập, đăng ký xác định: Ngày 12/02/2018, Công ty TNHH L Việt Nam là đơn vị đại diện theo ủy quyền của Công ty S có đơn gửi đến Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố giác sự việc: Vào năm 2017, Công ty L nợ Công ty I - MIM Private Limited (trụ sở tại Ấn Độ) 03 đơn hàng với tổng số tiền thanh toán là 6.988,9 Euro. Quá trình trao đổi mua bán hàng hóa, Công ty L sử dụng 02 hộp thư điện tử (email) với tên là R.r@I-mim.com và “P.s@I-mim.com”. Ngày 15/12/2017, Công ty L nhận được thông báo từ địa chỉ email “P.s@I-mim.com” với nội dung đề nghị thanh toán số tiền liên quan đến 03 đơn hàng nêu trên cho Công ty I. Tuy nhiên, trong nội dung email đã gửi xuất hiện 02 hộp mail khác có dấu hiệu bất thường hiển thị trong danh sách mail, bao gồm: “E.t@I-mim.com” và “R.r@I-mim.com”. Ngày 19/12/2017, Công ty Helia nhận được thông báo từ email “E.t@I-mim.com” về việc yêu cầu thay đổi tài khoản thụ hưởng, đề nghị chuyển số tiền 6.988,9 Euro vào tài khoản số 060165622831 mở tại Ngân hàng S, đứng tên Công ty TNHH Tele Seng RM, trụ sở tại số 38 BV, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 27/12/2017, do tin tưởng nên Công ty L đã chuyển 6.988,9 Euro vào tài khoản số 060165622831 theo đề nghị. Tuy nhiên, sau khi làm việc với Công ty I thì Công ty L mới biết đối tác không gửi email yêu cầu thanh toán cũng như không hề nhận được số tiền nêu trên.

Đối với khoản tiền Trần Thị NT rút 3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087,80 USD) vào ngày 02/4/2018: Ngày 04/4/2018, Ngân hàng KEB HANA BANK SEOUL HÀN QUỐC có 02 bức điện xin hủy Lệnh chuyển tiền và 01 bức điện đề nghị xác minh đơn vị hưởng có thông tin như sau “Người chuyển tiền được thông báo rằng tài khoản đơn vị hưởng bị nghi ngờ là tài khoản giả mạo” đến Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Hà nội yêu cầu hủy Lệnh chuyển tiền đến ngân hàng hưởng là S.

Đối với khoản tiền ngày 09/03/2018, Nguyễn Thị GU rút 767.000.000 đồng (quy đổi từ 33.800 USD) từ tài khoản số 141926209 của Công ty TNHH - TM X, mở tại V - Phòng giao dịch KH, Quận B, Thành phố M. Ngày 02/04/2018, Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (V) thông báo số tiền Nguyễn Thị GU đã rút và chuyển cho O này có nguồn gốc bất hợp pháp và đề nghị hoàn trả.

Ngoài ra, trong tài khoản số 146230717 đứng tên Công ty TNHH Safal flexibond PVT và tài khoản số 17910377778474 đứng tên Công ty TNHH Terra Cooling Industries SDN BHD, xác định: vào ngày 04/4/2018 và ngày 10/4/2018, có nhận 74.240,75 USD và 4.335,39 USD. Mặc dù, quá trình điều tra bị cáo Chime O WALTER khai không biết số tiền có trong những tài khoản này nhưng có cơ sở xác định đây là nguồn tiền bất hợp pháp do đồng phạm của Chime O WALTER ở nước ngoài chuyển vào tài khoản do Chime O WALTER đã chỉ đạo thành lập công ty và mở tài khoản tại Ngân hàng ở Việt Nam để nhận chuyển tiền và rút ra thụ hưởng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Ngân hàng phong tỏa đối với 02 khoản tiền nêu trên, đồng thời đề nghị hỗ trợ xác minh các tổ chức, cá nhân đã nộp tiền vào các tài khoản này nhưng chưa có kết quả và O chưa nhận được thông báo từ AS cũng như chưa chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU rút tiền để giao lại cho bị cáo.

Do đó, đủ cơ sở buộc bị cáo Chime O WALTER chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đồng phạm với các đối tượng người nước ngoài (không rõ lai lịch) đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, lừa đảo trong thương mại điện tử và thanh toán điện tử để chiếm đoạt tài sản đối với các khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp mà bị cáo Chime O WALTER đã chỉ đạo Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU rút từ các tài khoản ngân hàng về giao lại cho mình, tổng cộng là 10.633.991.000 đồng; thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi nêu trên của bị cáo Chime O WALTER đã phạm vào tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo cùng đồng phạm là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn xâm phạm đến quy định của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về đảm bảo an toàn máy tính, mạng viễn thông, mạng iXCernet của người khác; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài vẫn cố ý phạm tội.

Trong vụ án, bị cáo Chime O WALTER cùng đồng phạm là các đối tượng người nước ngoài (không rõ lai lịch) phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, trong đó bị cáo giữ vai trò là người giúp sức tích cực, trực tiếp tiếp cận với các cá nhân Việt Nam để nhờ cũng như trả công để đứng tên đăng ký thành lập các công ty, mở tài khoản tại các ngân hàng ở Việt Nam rồi cung cấp cho đối tượng AS cùng đồng phạm sử dụng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để chuyển tiền về Việt Nam và rút ra theo yêu cầu giao lại cho bị cáo Chime O

WALTER đề được trả công. Khi quyết định hình phạt sẽ xem xét đến tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần có một thời gian đủ dài cách ly xã hội mới có tác dụng để răn đe giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: bị cáo là người nước ngoài phạm tội lần đầu và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

+Về hình phạt bổ sung, căn cứ vào khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Buộc bị cáo nộp phạt một số tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử với bị cáo Chime O WALTER là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo O về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Riêng về mức hình phạt đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận

+Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư đã thực hiện các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tự nguyện khai báo, không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng; nên đều hợp pháp.

+Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo O cùng AS và đồng phạm (không rõ lai lịch ở nước ngoài) đã phạm tội, chiếm đoạt trái phép tài sản trị giá 10.633.991.000 đồng. Nên theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại khoản tiền đã chiếm đoạt, đối với các khoản tiền có nguồn gốc bất hợp pháp đã chiếm đoạt trái phép nhưng đến nay không xác định được bị hại thì tịch thu sung quỹ Nhà nước. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Chime O WALTERater bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty S Co., Ltd (do Công ty TNHH L Việt Nam làm đại diện) số tiền 6.988,9 (Sáu nghìn chín trăm tám mươi tám phẩy chín) Euro. Việc thanh toán bằng tiền

đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

- Ngoài ra, trong khoản tiền bị cáo chiếm đoạt nêu trên: Quá trình điều tra và các tài liệu giao dịch rút tiền tại S Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện vào ngày 02/4/2018, bà Trần Thị NT rút 3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087,80 USD), là khoản tiền do phạm tội mà có nhưng chưa giao lại cho bị cáo; và 60.000.000 đồng nhận từ bị cáo O là khoản tiền hưởng lợi không có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa, bà Trần Thị NT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà NT là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Do đó, buộc Trần Thị NT truy nộp 3.950.250.000 đồng (3.890.250.000 đồng (quy đổi từ số tiền 171.087,80 USD) + 60.000.000 đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Chime O WALTERater truy nộp số tiền 6.553.741.000 đồng (10.633.991.000 đồng – 190.000.000 đồng - 3.890.250.000 đồng là tiền Trần Thị NT rút tại Ngân hàng nhưng chưa giao lại cho bị cáo) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Riêng đối với Nguyễn Thị GU, trong giai đoạn điều tra sau khi đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc và cung cấp lời khai đã bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú nên không có cơ sở làm rõ khoản tiền đã thu lợi không có căn cứ pháp luật để buộc truy nộp tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 01 máy tính; 04 điện thoại di động các loại là phương tiện bị cáo dùng phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 15 con dấu đứng tên các công ty là công cụ bị cáo dụng phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền số tiền có trong tài khoản số 146230717 tại Ngân hàng TMCP VNTV (V) đứng tên Công ty TNHH Safal flexibond PVT và tài khoản số 17910377778474 tại Ngân hàng TMCP ĐTPPT Việt Nam (B) đứng tên Công ty TNHH Terra Cooling Industries SDN BHD xác định vào ngày 04 và ngày 10/4/2018 có nhận 74.240,75 USD và 4.335,39 USD (cơ quan điều tra có công văn phong tỏa tài khoản tại các Ngân hàng nói trên), là tiền do đồng phạm của bị cáo phạm tội mà có nhưng không xác định được bị hại; nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU, do tin tưởng việc mở tài khoản để O sử dụng cho những khách hàng làm ăn từ nước ngoài chuyển tiền vào; quá trình điều tra xác định NT, GU không biết, không thỏa thuận và không liên quan

đến hành vi phạm tội của O, phù hợp với lời khai của O. Đồng thời, vào ngày 03/04/2018, sau khi nghi ngờ O thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, NT và GU đã chủ động đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc. Do không có cơ sở xác định NT và GU có liên quan đến hành vi phạm tội của O nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Trần Thị NT và Nguyễn Thị GU là có cơ sở.

Đối với đối tượng tên AS, do O khai không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, truy tìm để xử lý.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt: Bị cáo Chime O WALTERater 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 12/4/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Chime O WALTERater nộp phạt 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

+Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 604, 605, 608, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Chime O WALTERater bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty S Co., Ltd (do Công ty TNHH L Việt Nam làm đại diện) số tiền 6.988,9 (Sáu nghìn chín trăm tám mươi tám phẩy chín) Euro. Việc thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

- Buộc bị cáo Chime O WALTER truy nộp số tiền 6.553.741.000 (Sáu tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm bốn một nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bà Trần Thị NT truy nộp số tiền 3.950.250.000 (Ba tỷ, chín trăm năm mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba đã qua sử dụng; 01 điện thoại hiệu Tecno đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng (được niêm phong trong 01 bọc nilon có chữ ký niêm phong của Chime O WALTER bên ngoài đề ngày 01/10/2018); 01 điện thoại di động hiệu HuaWalterei đã qua sử dụng (được niêm phong trong 01 bọc nilon có chữ ký niêm phong của Trần Thị NT bên ngoài đề ngày 27/4/2018).

+Số tiền có trong tài khoản số 146230717 tại Ngân hàng TMCP VNTV (V) đứng tên Công ty TNHH Safal flexibond PVT và tài khoản số 17910377778474 tại Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam (B) đứng tên Công ty TNHH Terra Cooling Industries SDN BHD xác định vào ngày 04/04/2018 và ngày 10/4/2018, có nhận 74.240,75 USD và 4.335,39 USD (Cơ quan điều tra có công văn phong tỏa tại các Ngân hàng trên).

- Tịch thu tiêu hủy:

01 gói: con dấu doanh nghiệp (được niêm phong trong 01 bọc nilon có chữ ký niêm phong của Chime O WALTER bên ngoài đề ngày 01/10/2018);

01 gói: con dấu doanh nghiệp (được niêm phong trong 01 bọc nilon có chữ ký niêm phong của Trần Thị NT bên ngoài đề ngày 05/4/2018);

01 gói: con dấu doanh nghiệp (được niêm phong trong 01 bọc nilon có chữ ký niêm phong của Nguyễn Thị GU bên ngoài đề ngày 05/4/2018).

(Vật chứng theo biên bản giao nhận tang tài vật số 257/19 ngày 06/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

+Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Chime O WALTERater phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 (Chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chưa thi hành đầy đủ các khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản và khoản tiền truy thu nộp Ngân sách Nhà nước theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nh:

- TAND TC; (1)
- TAND C_p Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- C_c THA DS; (1)
- S_t phg; (1)
- Tr_i t_m giam; (2)
- B_c g; (2)
- Lu_t s; (2)
- Ng_i lip quan; (2)
- THA HS; (2)
- Phng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND n_i b_c c_{tr}; (1)
- L_u: VT, THS, h_s; (30) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh